ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1518 /KH-UBND	*Bình Thuận, ngày 20 tháng 5 năm 2022*

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ DINH DƯỠNG GIAI ĐOẠN 2021-2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TỈNH BÌNH THUẬN

Phần I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ DINH DƯỠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tỉnh Bình Thuận thuộc khu vực ven biển cực Nam Trung bộ, dân số 1.246.306 người, trẻ em dưới 5 tuổi chiếm tỷ lệ khoảng 8,2%, có 34 dân tộc khác nhau cùng sinh sống. Tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn khó khăn.

Trong những năm qua, công tác chăm sóc bảo vệ sức khoẻ nhân dân được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm, nhiều dự án, chương trình về chăm sóc sức khỏe Nhân dân được triển khai; trong đó ngành y tế đã phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh thực hiện tốt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2016 - 2020 và đạt một số kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, theo đánh giá của Viện Dinh dưỡng thì tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi trong 5 năm qua vẫn còn cao so với một số tỉnh thành khác trong khu vực, đặc biệt là suy dinh dưỡng thể thấp còi, cụ thể năm 2020: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi là 13,4%; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi là 24,2%.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020

Qua 05 năm thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2016 - 2020, tình trạng dinh dưỡng của Nhân dân trong tỉnh đã được cải thiện rõ rệt, đặt biệt là phụ nữ và trẻ em dưới 5 tuổi, nhận thức của người dân về dinh dưỡng hợp lý ngày càng nâng cao.

1. Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ dưới 5 tuổi

Năm	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi (%)		
	Duyên hải miền Trung	Bình Thuận	Toàn quốc
2016	15,9	14,7	23,4
2017	15,5	14,3	21,2
2018	14,3	14,1	19,9
2019	13,8	13,8	18,9
2020	8,0	13,4	17,5

2. Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi

Năm	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi (%)		
	Duyên hải miền Trung	Bình Thuận	Toàn quốc
2016	27,1	27,9	24,3
2017	26,6	27,4	23,8
2018	25,4	26,9	23,2
2019	24,8	26,1	22,4
2020	17,4	24,2	19,6

Kết quả công tác giám sát, đánh giá từ năm 2016 đến năm 2020 được Viện Dinh dưỡng công bố thì tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trẻ em của tỉnh giảm 1,3%, bình quân mỗi năm giảm 0,26%; tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi giảm 3,7%, bình quân mỗi năm giảm 0,74%; so sánh với các tỉnh, thành khác trong khu vực và toàn quốc cho thấy: Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em ở thể thấp còi vẫn còn cao hơn so với tỷ lệ chung của các tỉnh, thành khác trong khu vực và toàn quốc.

Suy dinh dưỡng thể thấp còi có liên quan tới chế độ dinh dưỡng của bà mẹ trong quá trình mang thai. Do đó, tình trạng trên đã phản ánh chế độ dinh dưỡng trong thai kỳ và giai đoạn 2 - 5 năm đầu đời còn thấp.

3. Công tác phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng

Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng là một giải pháp quan trọng trong cải thiện tình trạng dinh dưỡng phụ nữ và trẻ em (đặt biệt đối với trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi). Hàng năm, tổ chức 2 lần cho trẻ từ 6 - 60 tháng tuổi uống Vitamin A, đạt trên 99% và luôn duy trì kết quả ổn định hàng năm. Bà mẹ sau sinh trong vòng 01 tháng và các đối tượng có nguy cơ được bổ sung Vitamin A đạt trên 90%.

Số bà mẹ có thai và trẻ em suy dinh dưỡng tại các xã trọng điểm về dinh dưỡng được cấp viên sắt và viên đa sinh tố luôn được duy trì.

4. Công tác điều tra giám sát dinh dưỡng

Công tác điều tra giám sát dinh dưỡng 30 cụm trên địa bàn toàn tỉnh được duy trì hàng năm. Nội dung điều tra chủ yếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi, điều tra về kiến thức và hành vi của các bà mẹ về chăm sóc dinh dưỡng trẻ em.

5. Tổ chức tuần lễ dinh dưỡng và phát triển

Được duy trì tổ chức từ ngày 16 - 23 tháng 10 hàng năm trên địa bàn toàn tỉnh. Nội dung hoạt động chính tuần lễ "Dinh dưỡng và phát triển" tập trung vào hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức và khuyến khích người dân tạo ra nguồn lương thực, thực phẩm dồi dào, biết cách bảo quản, chế biến và thực hành vệ sinh đúng để đảm bảo thức ăn không trở thành nguồn lây bệnh và hao hụt chất dinh dưỡng, đặt biệt là những vùng khó khăn, vùng hay

có thiên tai xảy ra. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, đoàn thể trong xã hội, vận động mọi thành viên trong gia đình tích cực tham gia tạo nguồn thực phẩm giàu dinh dưỡng dựa vào phát triển hệ sinh thái Vườn - Ao - Chuồng (VAC).

6. Công tác truyền thông

Công tác thông tin, truyền thông được triển khai chặt chẽ, rộng khắp với nhiều hình thức phong phú, tập trung vào các nội dung như: "Ngày vi chất dinh dưỡng; Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển; Ngày chăm sóc bà mẹ và phòng chống suy dinh dưỡng; Tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ". Đưa kiến thức thực hành dinh dưỡng hợp lý đến cộng đồng và tới hộ gia đình.

Phổ biến và hướng dẫn các gia đình thực hiện 10 lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, tuyên truyền về dinh dưỡng trong phòng chống các bệnh mãn tính không lây và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, duy trì và đẩy mạnh công tác phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em và mẹ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Nguyên nhân kết quả đạt được

- Được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương và sự phối hợp nhiệt tình của các sở, ngành, đoàn thể.

- Công tác thông tin, giáo dục, tư vấn được triển khai chặt chẽ, rộng khắp với nhiều hình thức phong phú, đa dạng: phát thanh, truyền hình, báo chí, truyền thanh trên loa đài của xã, huyện; tổ chức hội thi "cộng tác viên giỏi", "kiến thức và thực hành nuôi con", tư vấn trực tiếp… những hoạt động này từng bước nâng cao, củng cố kiến thức về dinh dưỡng cho Nhân dân.

- Việc chủ động xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động dinh dưỡng sâu rộng từ tỉnh đến cơ sở như các dự án: Phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống các rối loạn do thiếu i-ốt, phòng chống khô mắt do thiếu Vitamin A, phòng chống thiếu máu dinh dưỡng, tiêm chủng mở rộng… được triển khai 100% các xã, phường, thị trấn đã góp phần vào việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân nói chung và sức khỏe dinh dưỡng nói riêng.

2. Những thách thức

- Công tác giáo dục truyền thông và dinh dưỡng chỉ mới giới hạn ở các đối tượng bà mẹ và trẻ em, các đối tượng khác chưa được quan tâm đúng mức.

- Từ nhận thức đúng đến có hành vi đúng về dinh dưỡng chuyển biến còn chậm; mức sống thấp kết hợp với phong tục tập quán lạc hậu về dinh dưỡng trong một bộ phận Nhân dân; đặt biệt là Nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc là một trong những thách thức lớn trong chiến lược phòng chống suy dinh dưỡng của tỉnh nhà.

- Hoạt động tư vấn trực tiếp mang lại hiệu quả cao, nhưng chưa được thực hiện thường xuyên.

- Nguồn lực của chương trình phòng chống suy dinh dưỡng còn hạn chế, các hoạt động chủ yếu tập trung cho phòng chống suy dinh dưỡng, các hoạt động hỗ trợ khác chưa được quan tâm đúng mức.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng cấp xã không ổn định, còn kiêm nhiệm nhiều việc, chưa được đào tạo chuyên ngành về dinh dưỡng. Chế độ phụ cấp cho cộng tác viên dinh dưỡng còn quá thấp.

Phần II
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ DINH DƯỠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. Căn cứ xây dựng chiến lược

- Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011- 2030.

- Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 20/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác, giai đoạn 2015 - 2025.

- Quyết định số 1896/QĐ-BYT ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam".

- Quyết định số 5556/QĐ-BYT ngày 04/12/2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch hành động phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 5924/QĐ-BYT ngày 29/12/2021 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Căn cứ kết quả triển khai kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Bình Thuận.

- Căn cứ thực trạng dinh dưỡng tại tỉnh Bình Thuận trong năm 2020.

- Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương, vùng miền, dân tộc, góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người Việt Nam.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Thực hiện chế độ ăn đa dạng, hợp lý và an ninh thực phẩm cho mọi lứa tuổi, mọi đối tượng theo vòng đời:

- Tỷ lệ trẻ 6 - 23 tháng có chế độ ăn đúng, đủ đạt 65% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ người trưởng thành tiêu thụ đủ số lượng rau quả hàng ngày đạt 55% vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa giảm dưới 8% (khu vực miền núi xuống dưới 20%) vào năm 2025 và dưới 5% (khu vực miền núi dưới 15%) vào năm 2030.

- Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt 60% ở khu vực thành thị và 40% ở khu vực nông thôn vào năm 2025 và phấn đấu đạt 80% ở khu vực thành thị và 60% ở khu vực nông thôn vào năm 2030.

- Tỷ lệ bệnh viện tổ chức thực hiện các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng, bệnh lý cho người bệnh đạt 85% đối với tuyến tỉnh; 75% đối với tuyến huyện vào năm 2025 và phấn đấu đạt 95% đối với tuyến tỉnh; 80% đối với tuyến huyện vào năm 2030.

- Tỷ lệ xã có triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con nhỏ dưới 2 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe do trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện đạt 50% vào năm 2025 và đạt 75% vào năm 2030.

2.2. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và thanh thiếu niên:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 9%, riêng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi dưới 13% vào năm 2025 và xuống dưới 9% vào năm 2030.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 22,2% vào năm 2025 và dưới 19,7% vào năm 2030.

- Giảm tỷ lệ thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống 4% vào năm 2025 và dưới 3% vào năm 2030.

- Đến năm 2030, chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi theo giới tăng từ 2 - 2,5 cm đối với nam và 1,5 - 2 cm đối với nữ so với năm 2020.

- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt mức 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt 25% vào năm 2025 và đạt 30% vào năm 2030.

2.3. Kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây, các yếu tố nguy cơ có liên quan ở trẻ em, thanh thiếu niên và người trưởng thành:

- Khống chế tỷ lệ thừa cân béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 5% ở nông thôn và dưới 10% ở thành thị; trẻ 5 - 18 tuổi ở mức dưới 18% (khu vực thành thị ở mức dưới 20% và khu vực nông thôn ở mức dưới 10%); người trưởng thành 19 - 64 tuổi ở mức dưới 20% (khu vực thành thị ở mức dưới 23% và khu vực nông thôn ở mức dưới 18%) vào năm 2025 và duy trì ở mức đó đến năm 2030.

- Lượng muối tiêu thụ trung bình của dân số (15 - 49 tuổi) giảm xuống dưới 8 gam/ngày vào năm 2025 và dưới 7 gam/ngày vào năm 2030.

2.4. Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ:

- Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai dưới 23% (khu vực miền núi xuống dưới 25,5%) vào năm 2025 và dưới 20% (khu vực miền núi dưới 23,5%) vào năm 2030.

- Trên 99% trẻ em từ 6 - 60 tháng được bổ sung viên nang Vitamin A theo quy định; trên 90% bà mẹ sau sinh trong vòng một tháng được bổ sung Vitamin A theo quy định; 99% trẻ có nguy cơ cao (trẻ suy dinh dưỡng, trẻ nhiễm sởi, nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy...) được uống bổ sung Vitamin A đến năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được uống viên sắt/đa vi chất đến năm 2025 đạt 85%; đến năm 2030 đạt 90%.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có i-ốt hằng ngày tăng lên trên 80% vào năm 2025 và trên 90% vào năm 2030.

2.5. Nâng cao khả năng ứng phó dinh dưỡng trong mọi tình huống khẩn cấp tại các đơn vị:

- Đến năm 2025, 100% các huyện, thị xã, thành phố có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có kế hoạch ứng phó, tổ chức đánh giá, triển khai can thiệp dinh dưỡng đặc hiệu trong tình huống khẩn cấp và duy trì đến năm 2030.

- Thực hiện giám sát dinh dưỡng trong các trường hợp khẩn cấp tại các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên xảy ra thiên tai và có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao trên mức trung bình của toàn tỉnh.

- Đến năm 2025, 100% các huyện, thị xã, thành phố có phân bổ ngân sách địa phương hàng năm bảo đảm cho các hoạt động dinh dưỡng và dinh dưỡng khẩn cấp theo kế hoạch được phê duyệt và duy trì đến năm 2030.

2.6. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng tại cộng đồng, cơ sở giáo dục và các cơ sở y tế:

- Bảo đảm 100% cán bộ chuyên trách về dinh dưỡng tuyến tỉnh được đào tạo có chứng chỉ về chuyên ngành dinh dưỡng.

- Bảo đảm 100% cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến huyện, xã và cộng tác viên dinh dưỡng được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng.

- Bảo đảm 100% bệnh viện tuyến tỉnh, 50% bệnh viện tuyến huyện có cán bộ dinh dưỡng tiết chế và thực hiện tư vấn, kê thực đơn dinh dưỡng cho điều trị một số nhóm bệnh và đối tượng đặc thù.

2.7. Tầm nhìn đến năm 2045:

Mọi người dân đạt được tình trạng dinh dưỡng tối ưu, kiểm soát các bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng nhằm góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Kiện toàn Ban Chỉ đạo (viết tắt là BCĐ) Chiến lược Quốc gia về phòng chống suy dinh dưỡng của tỉnh:

Kiện toàn BCĐ các cấp: tuyến tỉnh; huyện/thị xã/thành phố; xã/phường/thị trấn do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách văn xã ở các cấp làm trưởng ban; lãnh đạo ngành y tế các cấp làm phó ban thường trực, các thành viên BCĐ là đại diện các sở, ban, ngành và đoàn thể xã hội có liên quan các cấp; Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm phó trưởng ban, là đầu mối triển khai các hoạt động phòng suy dinh dưỡng. BCĐ có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện Chiến lược.

1.2. Tăng cường phối hợp, lồng ghép trong phòng chống suy dinh dưỡng:

- Ngành y tế phối hợp với với ngành giáo dục và đào tạo triển khai các hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân béo phì cho học sinh

trong trường học, đặc biệt là các trường mầm non; đảm bảo cơ sở vật chất, sân bãi, thiết bị thể dục, thể thao để đảm bảo môi trường an toàn và tăng cường thể lực cho học sinh, truyền thông nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng hợp lý, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và cân, đo khám sức khỏe định kỳ cho học sinh.

- Lồng ghép các hoạt động phòng, chống suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì với các dự án, chương trình khác đang cùng được thực hiện trên địa bàn.

2. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tăng cường thực thi các quy định pháp luật về thực hiện dinh dưỡng hợp lý, nhất là can thiệp dinh dưỡng tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực miền núi, hải đảo và đặc biệt là trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ có thai.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dinh dưỡng đối với thực phẩm; xây dựng chính sách, cơ chế tài chính, bao gồm cả việc chi trả bảo hiểm y tế cho các hoạt động dinh dưỡng trong cơ sở y tế và trường học; khuyến khích sản xuất, cung cấp và tiêu thụ các sản phẩm an toàn, dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe; tăng cường quản lý và cảnh báo những ảnh hưởng đến sức khỏe đối với các thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt, phụ gia thực phẩm…

- Thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về công tác dinh dưỡng từ Trung ương đến địa phương: chú trọng việc lồng ghép, phối hợp với các chương trình, dự án có liên quan đến dinh dưỡng; huy động các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia triển khai chiến lược; khuyến khích các tổ chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp tham gia thực hiện chiến lược thông qua tài trợ cho các hoạt động dinh dưỡng; bảo đảm dinh dưỡng tại nơi làm việc; sản xuất các sản phẩm dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe, thực hiện đúng các quy định về sản xuất và kinh doanh thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng.

- Chủ động tích cực hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo và huy động nguồn lực để phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho công tác phòng chống suy dinh dưỡng.

- Đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, gầy còm, thừa cân béo phì của trẻ dưới 5 tuổi là một trong những chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

3. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục dinh dưỡng

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động nhằm nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc tổ chức các hoạt động của kế hoạch; vận động, nâng cao kiến thức về tầm quan trọng công tác dinh dưỡng đối với sự phát triển toàn diện về tầm vóc, thể chất và trí tuệ của trẻ em cho các cấp lãnh đạo, nhà quản lý.

- Triển khai các hoạt động truyền thông đại chúng với nhiều loại hình, phương thức, nội dung phù hợp với từng vùng, miền và từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao hiểu biết, thực hành dinh dưỡng hợp lý, đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu vi chất dinh dưỡng, kiểm soát thừa cân - béo phì và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng cho mọi tầng lớp Nhân dân.

- Tiếp tục thực hiện giáo dục dinh dưỡng về thể chất trong các hệ thống trường học. Lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng vào chương trình hoạt động thường xuyên của các sở, ngành, đoàn thể có liên quan thông qua quy chế phối hợp liên ngành, đặc biệt giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong triển khai thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng.

- Có giải pháp huy động, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức cá nhân, doanh nghiệp vào công tác dinh dưỡng.

- Tăng cường thời lượng truyền thông, hướng dẫn về dinh dưỡng hợp lý trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là Đài Phát thanh - Truyền hình, hệ thống kênh phát thanh trực tuyến, mạng xã hội...

4. Tăng cường và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng bảo đảm tính bền vững, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng và nhân viên y tế thôn bản ở tuyến y tế cơ sở.

- Xây dựng tài liệu và thực hiện các chương trình đào tạo, đào tạo lại, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ thích hợp nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực thực hiện công tác dinh dưỡng, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ các cấp có trình độ chuyên sâu về dinh dưỡng.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ sở, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội liên quan về triển khai lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng trong các chương trình, dự án của tỉnh.

5. Tăng cường chuyên môn kỹ thuật triển khai can thiệp dinh dưỡng

- Xây dựng và phổ biến về nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng, tháp dinh dưỡng, lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, thực đơn, khẩu phần, chế độ dinh dưỡng đảm bảo an ninh thực phẩm và hoạt động thể lực phù hợp cho mọi đối tượng.

- Xác định nhóm đối tượng ưu tiên và khu vực cần được can thiệp dựa theo các tiêu chí về suy dinh dưỡng thấp còi, tình trạng dinh dưỡng của phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ và điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương trong tỉnh.

- Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án và mô hình can thiệp dinh dưỡng thiết yếu như: Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời (chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú; nuôi con bằng sữa mẹ

hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục bú mẹ cho trẻ em từ 6 đến 23 tháng); theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em; quản lý và điều trị cho trẻ em bị suy dinh dưỡng cấp tính; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em; bảo đảm nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường.

- Triển khai cung ứng các dịch vụ tư vấn, phục hồi dinh dưỡng, mô hình can thiệp phòng chống thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây và các yếu tố nguy cơ có liên quan tại các tuyến. Tăng cường triển khai can thiệp dinh dưỡng cho người cao tuổi, dinh dưỡng ngành nghề.

- Đẩy mạnh việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào các sản phẩm thực phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu. Khuyến khích người dân sử dụng sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Lồng ghép các dịch vụ dinh dưỡng với các chương trình khác như: Y tế, giáo dục, phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số, nông thôn mới, giảm nghèo, bảo trợ xã hội để bảo đảm tăng nguồn lực đầu tư cho mọi đối tượng cần can thiệp.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, liên kết giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em, học sinh; thông tin cho phụ huynh về tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh trong trường học.

- Duy trì tẩy giun định kỳ 2 lần/năm cho trẻ từ 24-60 tháng tuổi.

- Xây dựng và triển khai các hướng dẫn chuyên môn về dinh dưỡng điều trị, dinh dưỡng lâm sàng, tiết chế tại bệnh viện; tư vấn dinh dưỡng cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân tại cơ sở khám chữa bệnh.

- Triển khai các quy định về dinh dưỡng trong bệnh viện như: Thực hiện tiêu chí dinh dưỡng và nuôi con bằng sữa mẹ trong Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện.

- Tăng cường triển khai hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp:

+ Xây dựng khẩu phần bảo đảm dinh dưỡng vào trong Kế hoạch ứng phó với thiên tai, thảm họa, dịch bệnh của tỉnh và các địa phương; nâng cao năng lực ứng phó dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho các sở, ngành, địa phương có liên quan.

+ Thực hiện có hiệu quả các hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp ở cả cộng đồng và trong bệnh viện, tại các địa phương bị ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

- Tăng cường hệ thống thực phẩm tại chỗ an toàn, đa dạng, giàu dinh dưỡng và bền vững đáp ứng nhu cầu cho mọi đối tượng tại mọi vùng miền, đặc biệt trong khu vực bị thiên tai, dịch bệnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ chuyên môn triển khai các hoạt động trên địa bàn toàn tỉnh.

6. Giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ về dinh dưỡng

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ phần mềm trong quản lý, điều hành, giám sát, tư vấn, thống kê, báo cáo về công tác dinh dưỡng trên phạm vi toàn tỉnh.

- Phối hợp nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ về dinh dưỡng, thực phẩm phù hợp với người Việt Nam.

IV. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Tăng cường xây dựng chính sách và phối hợp liên ngành nhằm thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động dinh dưỡng

1.1. Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hỗ trợ cho dinh dưỡng:

Thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến dinh dưỡng và khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ; các tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện có liên quan đến dinh dưỡng; Chương trình sữa học đường; Đề án Nâng cao tầm vóc người Việt Nam.

1.2. Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện các chính sách liên quan đến dinh dưỡng:

- Tập huấn kỹ năng vận động chính sách đầu tư cho dinh dưỡng tại các cấp.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo theo chuyên đề để tăng cường vận động chính sách đầu tư về dinh dưỡng.

1.3. Kiện toàn BCĐ, thống nhất cơ chế phối hợp liên ngành và xã hội hóa tăng cường đầu tư cho hoạt động dinh dưỡng:

- Kiện toàn BCĐ kế hoạch hành động về dinh dưỡng trên cơ sở lồng ghép trong nội dung nhiệm vụ và hoạt động của Ban Chăm sóc sức khỏe ban đầu nhân dân các cấp.

- Tổ chức các cuộc hội thảo vận động lãnh đạo, cấp ủy các cấp quan tâm chỉ đạo và đầu tư công tác triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

2. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em

2.1. Kiện toàn mạng lưới, đào tạo và tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng chống suy dinh dưỡng:

- Kiện toàn và bổ sung cán bộ chuyên trách dinh dưỡng các tuyến.

- Rà soát và bổ sung đảm bảo mỗi thôn/khu phố có ít nhất một cộng tác viên dinh dưỡng.

- Tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng truyền thông, triển khai các hoạt động can thiệp về dinh dưỡng và phòng chống bệnh không lây nhiễm cho các

cán bộ phụ trách công tác dinh dưỡng của các sở, nghành, đoàn thể và cán bộ y tế trường học.

2.2. Can thiệp dinh dưỡng cho những đối tượng nguy cơ cao:

- Hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì.

- Cấp miễn phí các sản phẩm dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đang cho con bú và trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng nơi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc tình huống khẩn cấp khác (nếu có).

- Cung cấp gói đa vi chất điều trị trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, hỗ trợ phục hồi dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng.

2.3. Theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ:

- Cung cấp trang thiết bị theo dõi tình trạng dinh dưỡng của trẻ gồm: Cân, thước đo và biểu đồ theo dõi phát triển trẻ.

- Cân, đo chiều dài trẻ sơ sinh, theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ dưới 5 tuổi theo định kỳ.

2.4. Truyền thông nâng cao nhận thức của bà mẹ và người chăm sóc trẻ:

- Triển khai chiến dịch truyền thông "Ngày vi chất dinh dưỡng, 1-2/6":

- Triển khai chiến dịch truyền thông "Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển, 16-23/10".

- Triển khai chiến dịch truyền thông "Tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ, 1-7/8".

- Tổ chức các buổi tư vấn, thảo luận nhóm, thực hành dinh dưỡng tại xã/ phường, thôn/khu phố cho bà mẹ (người chăm sóc trẻ) có con dưới 2 tuổi, trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng.

- Tăng cường truyền thông giáo dục dinh dưỡng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.5. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em lứa tuổi học đường:

- Tổ chức truyền thông trong trường học, tư vấn phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, thiếu vi chất dinh dưỡng cho học sinh và cha mẹ và người nuôi dưỡng học sinh.

- Tổ chức các cuộc thi, hội thi, diễn đàn tìm hiểu nâng cao nhận thức cho học sinh về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tập huấn, hướng dẫn đảm bảo dinh dưỡng trong các bữa ăn cho trường học có tổ chức bán trú/nội trú và tiếp tục triển khai Chương trình sữa học đường tại trường học.

- Hướng dẫn tăng cường hoạt động thể lực và tạo không gian, cơ sở vật chất và dụng cụ, thiết bị cho các hoạt động luyện tập, rèn luyện thể dục thể thao của học sinh.

- Tẩy giun định kỳ cho trẻ học đường, tổ chức cân, đo và đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho học sinh.

3. Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng

3.1. Nâng cao nhận thức của cộng đồng và huy động nguồn lực để phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng:

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo với các sở, ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội để vận động sự ủng hộ, huy động nguồn lực cho phòng chống thiếu máu và thiếu vi chất dinh dưỡng.

- Vận động các tổ chức trong và ngoài nước hỗ trợ và thực hiện chương trình phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng.

3.2. Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho đối tượng có nguy cơ thiếu vi chất dinh dưỡng:

- Bổ sung viên nang Vitamin A cho trẻ 6 tháng đến 60 tháng tuổi mỗi năm 2 đợt, bổ sung thường xuyên Vitamin A cho bà mẹ sau sinh con trong vòng 1 tháng.

- Bổ sung viên sắt/đa vi chất cho phụ nữ có thai, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ, trẻ gái vị thành niên.

- Triển khai việc tẩy giun định kỳ cho trẻ em từ 24 - 60 tháng tuổi.

- Tuyên truyền nâng cao kiến thức của người dân trong việc phòng chống các rối loạn do thiếu I-ốt và cung cấp đầy đủ, đảm bảo chất lượng muối I-ốt tại cộng đồng.

3.3. Tăng cường hoạt động đa dạng hóa bữa ăn:

- Xây dựng và triển khai lồng ghép các chiến lược truyền thông đa phương tiện và các hoạt động tiếp thị xã hội nhằm nâng cao nhận thức và thúc đẩy thực hành phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng có liên quan tới chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

- Phổ biến các tài liệu truyền thông về hướng dẫn đa dạng hóa bữa ăn và phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng.

4. Bảo đảm an ninh thực phẩm tại hộ gia đình

4.1. Hướng dẫn người dân đảm bảo an ninh thực phẩm đặc biệt ở những địa bàn dễ bị ảnh hưởng:

- Bảo đảm an ninh thực phẩm, an ninh dinh dưỡng tại các xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thường xuyên gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ.

- Phát triển và triển khai hướng dẫn sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và công nghệ cao để cung cấp lương thực, thực phẩm an toàn và đảm bảo dinh dưỡng.

4.2. Thúc đẩy các mô hình sản xuất hợp lý để tạo nguồn thực phẩm sẵn có cho bữa ăn tại hộ gia đình:

- Phối hợp với Hội Nông dân cung cấp các tài liệu hướng dẫn cách tạo nguồn thực phẩm sẵn có và đa dạng tại hộ gia đình cho người dân đặc biệt những gia đình có con dưới 5 tuổi. Hướng dẫn và hỗ trợ hộ nghèo tự sản xuất lương thực, thực phẩm cung cấp cho bữa ăn đủ thành phần dinh dưỡng, đảm bảo tính cân đối.

- Triển khai các hoạt động đảm bảo an ninh dinh dưỡng hộ gia đình thông qua mô hình VAC; tập huấn cho người dân về tăng cường an ninh thực phẩm hộ gia đình.

5. Kiểm soát tình trạng thừa cân - béo phì và yếu tố nguy cơ của một số bệnh mạn tính không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng

5.1. Nâng cao nhận thức của người dân về sự gia tăng của tình trạng thừa cân - béo phì ở trẻ em và các nguy cơ của tình trạng thừa cân - béo phì:

- Lồng ghép truyền thông phòng chống thừa cân - béo phì ở trẻ em vào các hoạt động truyền thông phòng chống suy dinh dưỡng và các yếu tố liên quan đến bệnh không lây nhiễm.

- Hướng dẫn về chế độ ăn và tư vấn phòng chống thừa cân - béo phì ở trẻ em, đặc biệt trẻ em thừa cân, béo phì.

5.2. Thực hiện một số hoạt động trong Chiến lược Quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015 - 2025:

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn người dân về dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực phù hợp với các nhóm đối tượng để phòng chống thừa cân - béo phì và các bệnh không lây nhiễm.

- Hướng dẫn chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực cho học sinh tại các trường tiểu học và trung học cơ sở để phòng ngừa tình trạng thừa cân, béo phì cho học sinh.

- Triển khai phòng khám tư vấn dinh dưỡng và bệnh không lây nhiễm tại các cơ sở y tế.

6. Nâng cao năng lực giám sát trong dinh dưỡng khẩn cấp

- Tập huấn cho cán bộ dinh dưỡng tuyến huyện, xã, triển khai dinh dưỡng trong trường hợp khẩn cấp.

- Phổ biến tài liệu hướng dẫn quy trình hành động ứng phó, đánh giá tình hình và các can thiệp về dinh dưỡng khi có thiên tai.

7. Theo dõi, giám sát và đánh giá

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình tại các địa phương trong tỉnh.

- Đánh giá tỷ lệ suy dinh dưỡng hàng năm.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ dinh dưỡng tuyến huyện, xã về công tác theo dõi, đánh giá, hỗ trợ về dinh dưỡng.

8. Nguồn kinh phí

- Nguồn ngân sách Nhà nước tại địa phương.

- Huy động cộng đồng, tổ chức trong nước và các tổ chức quốc tế.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh là cơ quan thường trực làm đầu mối tổng hợp giúp Sở Y tế trong việc phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; hàng năm đề xuất xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, dự toán kinh phí cho phù hợp; phân bổ và hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các ngành, các đơn vị liên quan và Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện; sơ kết vào cuối năm 2025, tổng kết vào cuối năm 2030.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan rà soát, tham mưu thay thế, bổ sung, kiện toàn BCĐ tỉnh.

- Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán của Sở Y tế hàng năm, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán để thực hiện phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành có liên quan đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về chương trình dinh dưỡng cho trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các trường học có tổ chức ăn bán trú/nội trú xây dựng thực đơn riêng phù hợp với mọi lứa tuổi, thường xuyên thay đổi các món ăn,

không lạm dụng sử dụng thực phẩm chế biến sẵn trong bữa ăn của trẻ; bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Phối hợp với ngành y tế tổ chức tuyên truyền giáo dục về chăm sóc dinh dưỡng trong trường học, theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ.

- Thực hiện tốt công tác y tế trường học, bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với học sinh và phòng chống bệnh dịch trong nhà trường.

- Chỉ đạo việc củng cố và nâng cao các bếp ăn tập thể ở trường học đúng quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Triển khai thực hiện các chính sách nhằm khuyến khích phát triển sản xuất nông, thủy sản theo hướng dẫn an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần đảm bảo dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe.

- Lồng ghép hoạt động ứng phó dinh dưỡng trong kế hoạch hàng năm để sẵn sàng cung cấp thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng cho những khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện lồng ghép các nội dung dinh dưỡng vào chiến lược xây dựng gia đình, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"... hướng tới mục tiêu gia đình không có con bị suy dinh dưỡng.

- Tăng cường chỉ đạo, lồng ghép hoạt động vận động thể lực và đảm bảo dinh dưỡng hợp lý với phong trào quần chúng và hoạt động thể thao, văn hóa tại cộng đồng; tăng cường tuyên truyền về lợi ích của hoạt động thể dục thể thao quần chúng đối với sức khỏe.

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông kiểm soát quảng cáo về dinh dưỡng và thực phẩm liên quan.

7. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Y tế, các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn tổ chức, bộ máy làm công tác dinh dưỡng từ tỉnh đến cơ sở theo hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng nhằm động viên kịp thời các tập thể, cá nhân, cộng đồng dân cư có thành tích thực hiện công tác dinh dưỡng trên địa bàn.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đảm bảo các chính sách hỗ trợ dinh dưỡng cho người nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh tuyên truyền và chỉ đạo việc thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động đang mang thai, đang nuôi con nhỏ, lao động làm các việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm.

9. Sở Công Thương

- Chủ trì phối hợp các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu triển khai cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu, sản xuất, phát triển thị trường sản phẩm thực phẩm tăng cường bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm lành mạnh đảm bảo cho sức khỏe người dân.

- Tăng cường quản lý về sản xuất, kinh doanh các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe thuộc lĩnh vực quản lý.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí hoạt động trên địa bàn và hệ thống thông tin cơ sở triển khai các hoạt động truyền thông về Chương trình dinh dưỡng; dinh dưỡng khẩn cấp, đặc biệt là "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam" trên địa bàn tỉnh.

- Phát hiện, xử lý nghiêm hoạt động quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ em theo đúng quy định của pháp luật.

11. Báo Bình Thuận, Đài Phát thanh -Truyền hình tỉnh

- Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, tổ chức các hoạt động tuyên truyền kiến thức dinh dưỡng cho người dân như: Phương pháp chăm sóc, chế độ dinh dưỡng cho trẻ em, phụ nữ có thai và cho con bú, tư vấn sức khỏe... cho cộng đồng; tạo diễn đàn giữa các nhà chuyên môn với công chúng để trao đổi kiến thức thông tin về sức khỏe, giải đáp những thắc mắc bệnh tật thông thường liên quan đến dinh dưỡng.

- Tăng cường các chuyên mục, chuyên đề về dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi, bà mẹ có thai và cho con bú.

12. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Tuyên truyền, vận động hội viên và gia đình hội viên thực hiện chế độ chăm sóc dinh dưỡng đối với phụ nữ có thai, trẻ em dưới 5 tuổi, chú trọng các nội dung như: Chăm sóc bà mẹ trước sinh, tư vấn, hướng dẫn cho con bú sữa mẹ, bổ sung vi chất, thực hiện dinh dưỡng hợp lý.

13. Đề nghị Tỉnh đoàn Bình Thuận

Chủ trì, phối hợp với ngành y tế đề xuất mô hình sinh hoạt chuyên đề dinh dưỡng cho đoàn viên, thanh niên mới lập gia đình, sắp lập gia đình, đoàn

viên có con dưới 5 tuổi trong các tổ chức cơ sở đoàn để tuyên truyền, vận động, tư vấn chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ dưới 5 tuổi…

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Tuyên truyền vận động toàn dân tích cực tham gia các hoạt động của Chương trình chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam trên địa bàn tỉnh; giám sát việc thực hiện.

- Lồng ghép việc thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

15. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ mục tiêu và chỉ tiêu Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với đặc điểm của địa phương; theo hướng dẫn của các ngành chức năng, phù hợp với kế hoạch chung của tỉnh; lồng ghép các chỉ tiêu vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện Kế hoạch; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch tại địa phương; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế *(qua Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh)* để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, truyền thông vận động thực hiện Kế hoạch trên địa bàn.

Căn cứ Kế hoạch này, các sở, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế *(qua Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh)* để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh - Nguyễn Minh;
- Các sở, ban, ngành;
- Mặt trận và các Đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Bình Thuận, Đài PT- TH tỉnh;
- Lưu: VT, KGVXNV, Việt.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh